



ANGIMEX
CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2011

Annual report

THE RICE YOU TRUST



MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VI. TỔ CHỨC NHÂN SỰ - THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN

VII. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IX. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN



I. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. LỊCH SỬ THÀNH LẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN:

- Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang - Angimex, tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang được UBND tỉnh An Giang ký quyết định thành lập vào ngày 23/7/1976 và chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần vào ngày 01/01/2008.
- Qua 35 năm hoạt động và sau 4 năm cổ phần hóa, Angimex có vốn điều lệ là 182 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là 352 tỷ đồng. Đặc biệt, với đội ngũ cán bộ nhân viên nhiệt huyết, năng động, giàu kinh nghiệm là nguồn lực cốt lõi đã giúp Angimex nhiều năm liền luôn nằm trong Top 10 Doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu cả nước, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

• TẦM NHÌN

- Giữ vững vị trí Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam.
- Phát triển tích hợp sản phẩm ngành lương thực và các ngành hàng mới nhằm đưa Công ty nằm trong Top 20 doanh nghiệp sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

• SỨ MỆNH

Angimex luôn mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác, người lao động.

• GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sự đam mê

Bằng nhiệt huyết, tình yêu và sự gắn bó chặt chẽ với lúa gạo, Angimex luôn hướng đến sự thành công lâu dài và mang đến khách hàng những giá trị cao nhất qua từng sản phẩm, dịch vụ.

Uy tín

Với Angimex, uy tín là sự bảo đảm cho thành công và thành công là sự vun đắp niềm tin cho khách hàng.

Chuyên nghiệp

Nhanh chóng, chính xác, chuyên môn hóa trong công việc và hiện đại hoá môi trường làm việc là phương châm của Angimex

Sáng tạo

Không ngừng sáng tạo, tự hoàn thiện và cải tiến mỗi ngày là sức sống của chúng tôi.

Hợp tác

Chia sẻ lợi ích, gắn kết bền lâu, cùng nhau phát triển bền vững.

• CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Angimex tiếp tục tập trung phát triển bền vững các ngành kinh doanh truyền thống. Ngành hàng chủ lực là kinh doanh lương thực sẽ tăng dần sản lượng gạo thơm và gạo chất lượng cao vào thị trường trong và ngoài nước, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh lúa giống, phát triển bền vững vùng nguyên liệu kết hợp với việc xây dựng hệ thống kho chứa, công nghệ chế biến hiện đại, đồng bộ nhằm đảm bảo nguồn cung cấp.
- Angimex phát huy lợi thế sẵn có trong ngành lúa gạo để nghiên cứu, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng.

3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh gạo xuất khẩu

Với quy mô 11 nhà máy được trang bị thiết bị hiện đại, sản xuất khoảng 2.200 tấn gạo/ngày và tổng sức chứa kho 100.000 tấn, hàng năm Công ty xuất khẩu từ 230.000- 300.000 tấn gạo các loại sang các thị trường như: Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia, Iran, Iraq, Cuba, HongKong, Mỹ, các nước Châu Phi,...



- Sản xuất, chế biến và kinh doanh gạo nội địa :

Angimex đã xây dựng được hai nhãn hàng An Gia và Mực Đồng bao gồm các loại gạo có nguồn gốc, đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, tốt cho sức khỏe, được đóng gói bao bì đa dạng.



- **Kinh doanh xe mô tô và phụ tùng qua hệ thống Cửa hàng ủy nhiệm (HEAD) của Honda Việt Nam**

Trung tâm Honda Angimex đã phát triển được 03 HEAD, 01 Trung tâm bảo dưỡng & dịch vụ, 01 cửa hàng chuyên doanh phục vụ các nhu cầu về bảo hành, bảo trì, sửa chữa, mua bán xe gắn máy và phụ tùng chính hãng.



- **Kinh doanh thương mại vật tư nông nghiệp**

Cửa hàng kinh doanh Vật tư nông nghiệp được thành lập, cung cấp sỉ và lẻ các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh, nông dược tại 3 điểm kho chính (Thoại Sơn, An Hòa và Chợ Vàm), hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu của Angimex đồng thời mở rộng kinh doanh phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.



- **Sản xuất và kinh doanh lúa giống**

Đây là ngành hàng mới, giai đoạn đầu phục vụ nhu cầu cho nông dân trong Vùng nguyên liệu, giúp Angimex chủ động kiểm soát các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất lúa, đảm bảo đúng quy chuẩn.

4. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2011



THÁNG 3

Trung tâm Honda Angimex khai trương Cửa hàng Thương Mại – Dịch Vụ Angimex tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Cũng trong thời gian này, 3 HEAD trực thuộc Trung tâm được tăng bậc xếp loại HEAD do Honda Việt Nam đánh giá định kỳ hằng năm.



THÁNG 4

Angimex ký kết Nhà cung cấp chiến lược với Saigon Co.op.

THÁNG 5

Angimex được Bộ Công Thương chứng nhận là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2010.

THÁNG 6

Angimex là Doanh nghiệp đầu tiên trong cả nước được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định 109 của Chính Phủ.



THÁNG 7

Khởi công xây dựng Khu liên hợp chế biến lúa gạo Angimex Bình Thành tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.



THÁNG 10

- Vietnam Report công bố Angimex xếp thứ hạng 146 trong 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam (tăng 34 bậc so năm 2010).
- Angimex được công nhận Doanh nghiệp xuất sắc năm 2009 – 2010 do UBND tỉnh An Giang trao tặng.

THÁNG 11

- Angimex tham gia Festival Lúa Gạo Việt Nam lần thứ II tại tỉnh Sóc Trăng và đón nhận Cúp vàng Doanh nghiệp Kinh doanh Xuất khẩu Uy tín ngành hàng Lúa Gạo Việt Nam năm 2011 do Ban Tổ chức Festival trao tặng.
- Angimex tiếp tục có mặt trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011 do Vietnam Report xếp hạng.



THÁNG 12

- Angimex tổ chức Lễ Kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty (1976 - 2011) và khai trương Trụ sở chính.
- Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết nghị bổ sung ngành nghề sản xuất, kinh doanh lúa giống và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.



A close-up photograph of white rice grains and a yellow rice flower on a green leaf. The rice grains are in the foreground, and the rice flower is on the right side. The background is a blurred green leaf.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2011

- Doanh thu đạt 100% kế hoạch và lợi nhuận đạt 120% kế hoạch, so năm 2010 tăng trưởng 34% về doanh thu. Mặc dù không tăng trưởng về lợi nhuận, nhưng kết quả này là rất đáng ghi nhận trong bối cảnh toàn ngành toàn ngành phải vượt khó với nhiều diễn biến phức tạp của thị trường.
- Ngành kinh doanh gạo đang thực hiện tốt việc chuyển dịch xuất khẩu từ gạo chất lượng thấp sang chất lượng cao, với sản lượng gạo thơm và gạo chất lượng cao đạt 25.760 tấn, tăng 66% so năm 2010.
- Vùng nguyên liệu lúa đang có những bước phát triển vững chắc, diện tích bao tiêu đạt 3.200 ha, tăng 75% so năm 2010.
- Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm uy tín về chất lượng và dịch vụ, Angimex tiếp tục duy trì vị trí Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu Việt Nam, xây dựng và giữ vững được thương hiệu Angimex trên thị trường thế giới.
- Việc khởi công xây dựng khu liên hợp sản xuất chế biến lúa gạo Angimex - Bình Thành tại huyện Thoại Sơn vào tháng 7 năm 2011, với tổng vốn đầu tư 77 tỷ đồng, sẽ góp phần tăng quy mô hoạt động.
- Cửa hàng Thương mại – Dịch vụ tại huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang chính thức đi vào hoạt động ngày 10/3/2011 đã góp phần tăng doanh thu trong hoạt động kinh doanh phụ tùng và dịch vụ sửa chữa của toàn ngành Honda lên 34% so năm 2010.
- Nâng cao năng lực tài chính qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 58,285 tỷ lên 182 tỷ đồng.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH

Năm 2011 là một năm biến động thất thường, trái chiều như tăng lãi suất, thay đổi tỷ giá, giá gạo, giá phân bón trên thị trường thế giới và trong nước đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự thay đổi chính sách thu mua gạo của Thái Lan, sự tham gia xuất khẩu gạo trở lại của Ấn Độ đã tác động đến hoạt động xuất khẩu gạo của Angimex trong quý IV.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã theo dõi sát sao diễn biến thị trường và có chỉ đạo kịp thời, linh hoạt trong kinh doanh nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn và hiệu quả. Quý IV là quý Angimex vượt qua được rủi ro do dự báo có sự biến động giảm giá trên thị trường nên đã kịp thời điều chỉnh thu mua, tránh được tồn kho giá cao vào cuối năm khi thị trường đang trong chiều hướng giảm giá và nhu cầu yếu.

ĐVT: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	So KH 2011	So năm 2010
Doanh thu	2.637.611	100%	134%
Lợi nhuận trước thuế	86.135	120%	83%
Cổ tức dự kiến (% trên vốn điều lệ)	30%	150%	

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- **Thay đổi nhân sự của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2011:**
 - Thay đổi lần thứ nhất, do kết thúc sớm nhiệm kỳ 2008 – 2012, trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2011 đã bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2011-2015.



- Thay đổi lần thứ hai ngày 25/08/2011, do Bà Lê Hà Nam – Thành viên Hội đồng quản trị – gửi đơn xin từ nhiệm, Hội đồng quản trị đã đồng ý và bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Sử – Phó Tổng Giám đốc ngành Bất động sản của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim – là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Việc bổ nhiệm thay thế này Hội đồng quản trị sẽ báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 để được phê chuẩn.

- **Cơ cấu lại tổ chức ngành kinh doanh gạo:**

Vào cuối năm Hội đồng quản trị quyết định tách hoạt động kinh doanh của ngành gạo nội địa riêng với ngành gạo xuất khẩu để có sự tập trung hơn theo đặc thù của từng ngành kinh doanh.

- **Sản phẩm, thị trường và khách hàng :**

Năm 2011 đánh dấu gạo chất lượng cao của Angimex thâm nhập tiếp tục vào thị trường Mỹ và gia tăng mạnh sản lượng vào thị trường Châu Âu, châu Á; đồng thời mở thị trường mới xuất khẩu sang Trung Quốc, là một trong những thị trường xuất khẩu gạo quan trọng của Việt Nam và có khả năng sẽ là thị trường triển vọng trong tương lai.

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Angimex vẫn kiên trì với định hướng chiến lược phát triển đã đề ra trong giai đoạn 2011 – 2015:

- Tiếp tục phát triển 4 lĩnh vực kinh doanh
 - + Kinh doanh xuất khẩu gạo trắng, gạo thơm, gạo chất lượng cao và kinh doanh gạo nội địa.
 - + Kinh doanh xe và phụ tùng Honda.
 - + Phát triển dịch vụ sấy lúa và kinh doanh phân bón, thuốc nông dược gắn liền với việc xây dựng vùng nguyên liệu .
 - + Hướng đến sản xuất và cung cấp lúa giống cho vùng nguyên liệu và nhu cầu của thị trường. Đồng thời phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ lúa, gạo và phụ phẩm.
- Chuyển dịch nguồn cung từ gạo sang lúa trên cơ sở thực hiện các dự án mới.
- Nâng cấp khả năng quản trị điều hành, quản lý rủi ro, chủ động xây dựng và thúc đẩy hoạt động tự tái cấu trúc toàn diện.
- Xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp thông qua nhiều hình thức đào tạo, đặc biệt chú trọng việc đào tạo nội bộ

Kế hoạch phát triển trong năm 2012:

Angimex tiếp tục thực hiện xuyên suốt chính sách phát triển bền vững, chú trọng đến tăng trưởng ổn định, lâu dài với định hướng đầu tư đúng đắn và kinh doanh trên cơ sở có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

- Mục tiêu năm 2012:

Doanh thu: 3.198 tỷ đồng.

Lợi nhuận: 72 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể so năm 2011 như sau:
 - + Tăng 120% diện tích vùng nguyên liệu bao tiêu sản xuất lúa, đạt mức 7.000 ha.
 - + Tăng gấp đôi lượng xuất khẩu gạo thơm và gạo chất lượng cao lên 50.000 tấn.
 - + Tăng 127% sản lượng kinh doanh gạo tiêu thụ nội địa, đạt 12.000 tấn.
 - + Tăng 30% doanh thu kinh doanh phụ tùng Honda và dịch vụ sửa chữa.
- Trong ngắn hạn, nền kinh tế còn nhiều khó khăn nên Hội đồng quản trị chú trọng công tác quản lý rủi ro, thực hiện tốt và có chọn lọc công tác đầu tư và triển khai các dự án.



5. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc công ty để có sự chỉ đạo kịp thời. Hội Đồng Quản Trị họp chính thức 10 lần trong năm 2011 và thường xuyên trao đổi họp mặt không chính thức qua điện thoại để cập nhật nhanh tình hình hoạt động của công ty.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011 như sau:

1. Tổ chức 05 phiên họp định kỳ hàng quý và 05 phiên họp bất thường.

Nội dung các kỳ họp định kỳ:

- Xem xét và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý và phê duyệt kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo;
- Phê duyệt thời gian tổ chức và các nội dung sẽ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2011: Báo cáo thường niên, báo cáo kiểm toán, phân phối lợi nhuận, các chỉ tiêu kế hoạch năm, thù lao và khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký, chọn đơn vị kiểm toán; kết thúc sớm nhiệm kỳ 2008 – 2010 thay vì 2008 – 2012 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Phê duyệt kế hoạch nhân sự, lương thưởng năm.
- Phê duyệt ngân sách cho các dự án: dự án mua đất tại Châu Đốc cho Cửa hàng Honda Angimex; dự án xây dựng khu liên hợp sản xuất chế biến lúa gạo Angimex – Bình Thành, huyện Thoại Sơn; dự án Dầu màng gạo;
- Phê duyệt cơ cấu tổ chức của công ty;
- Phê duyệt danh sách Người đại diện trong năm 2011 tại các Công ty có phần vốn góp của Công ty;
- Cấp hạn mức tín dụng năm 2011 cho ngành hàng phân bón
- Quyết định xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc Công ty bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh lúa giống và thuốc bảo vệ thực vật;
- Quyết định điều chỉnh thời gian niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2012 (thay vì trong 6 tháng cuối năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 308/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011) và dự kiến giá niêm yết.
- Phê duyệt hệ quy chế quản trị nội bộ liên quan đến tổ chức, hoạt động, chức năng và nhiệm vụ, giúp nâng cao công tác quản lý..

Nội dung các kỳ họp bất thường:

- Ngày 21 tháng 2 năm 2011: phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên.
- Ngày 23 tháng 4 năm 2011, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2011-2015 họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ngày 25 tháng 4 năm 2011: chi trả cổ tức còn lại của năm 2010, mức chi trả là 21,59%/mệnh giá; và chọn Thư ký của Hội đồng quản trị.
- Ngày 26 tháng 8 năm 2011: lập thủ tục đăng ký về việc thay thế người đại diện của tổ chức là cổ đông lớn Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim; và bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Sử là thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho Bà Lê Hà Nam từ nhiệm.
- Ngày 28 tháng 9 năm 2011: phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2011 cho cổ đông 20% trên vốn điều lệ.

2. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 23/4/2011.
- Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 11/2011 lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh lúa giống và thuốc bảo vệ thực vật.

A close-up photograph of rice panicles in a field. The panicles are in various stages of ripening, with some showing a yellowish-orange hue and others still green. The background is a soft, out-of-focus green, suggesting a healthy rice field. A semi-transparent blue banner is overlaid across the middle of the image, containing the text.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

• CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	1.236.393	919.754	(25,6%)
Tài sản ngắn hạn	1.017.217	673.431	(33,8%)
Tài sản dài hạn	219.176	246.323	+12,4%
Tổng nguồn vốn	1.236.393	919.754	(25,6%)
Nợ phải trả	872.195	567.819	(34,9%)
Vốn chủ sở hữu	364.198	351.635	(3,4%)

• CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Các chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1	Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,18	1,19
	Hệ số thanh toán nhanh	0,92	0,82
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,64	0,62
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,16	1,61
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	8,70	9,22
	Vòng quay tổng tài sản	1,59	2,87
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	3,98%	2,67%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	21,56%	20,00%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản	6,35%	7,65%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	5,23%	3,27%
5	Thu nhập/cổ phiếu		
	Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	13.474	4.239
	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31.12.2011	62.486	19.337

• NHỮNG THAY ĐỔI VỀ VỐN ĐIỀU LỆ

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn
	Vốn điều lệ ban đầu	58.285.000.000		
T2/2011	Tăng lần 1	116.570.000.000	174.855.000.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông
T4/2011	Tăng lần 2	7.145.000.000	182.000.000.000	Phát hành ESOP

• TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH : 18.200.000 cổ phần (cổ phần phổ thông)

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

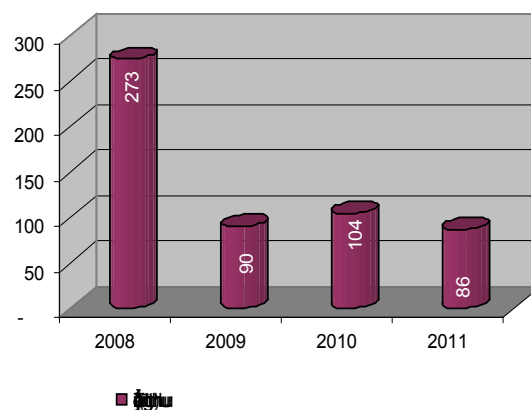
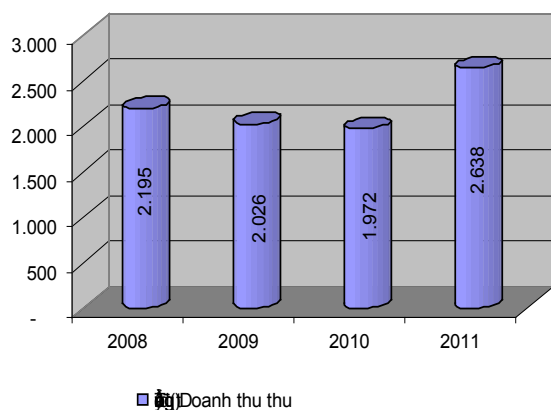
Năm 2011 tiếp tục là một năm thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Angimex nói riêng khi thế giới có khá nhiều biến động.

Thương mại gạo chịu ảnh hưởng lớn, giá gạo diễn biến phức tạp, do chính sách thu mua lúa giá cao của Thái Lan dẫn đến tình trạng đầu cơ và chào giá tăng. Tuy nhiên trong quý IV, Ấn Độ xuất khẩu trở lại thị trường thế giới với giá thấp chỉ ở mức 450 USD/tấn gạo 5% tấm đã làm thay đổi hoàn toàn cục diện thị trường gạo Việt Nam, đẩy nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo rơi vào tình thế khó khăn. Angimex đã dự báo và điều chỉnh kế hoạch thu mua gạo kịp thời, giảm tồn kho cuối năm.

Năm 2011 tiếp tục đánh dấu một năm hoạt động có hiệu quả của Angimex khi hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu đạt 2.637,611 tỷ đồng và vượt mức 20% kế hoạch về lợi nhuận, đạt 86,135 tỷ đồng.

Một số chỉ tiêu chủ yếu so năm 2010:

- Doanh thu tăng trưởng 34%
- Lợi nhuận giảm 17%.



- Tuy Công ty đã nỗ lực kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2011 chỉ chiếm 3% trên doanh thu (năm 2010 là 5%) do giá vốn hàng bán tăng cao và doanh thu hoạt động tài chính giảm, lần lượt chiếm 95% và 5% trên doanh thu so năm 2010 là 92% và 6%.

Chỉ tiêu	Năm 2010	%/DTT	Năm 2011	%/DTT	% NĂM 2011/2010
Doanh thu thuần	1.971.501	100%	2.637.611	100%	134%
Giá vốn hàng bán	1.823.314	92%	2.498.666	95%	137%
Lợi nhuận gộp	148.187	8%	138.945	5%	94%
Doanh thu hoạt động tài chính	114.990	6%	135.608	5%	118%
Chi phí tài chính	51.625	3%	86.311	3%	167%
Chi phí bán hàng	78.886	4%	80.997	3%	103%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.556	1%	28.147	1%	95%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	103.110	5%	79.098	3%	77%
Lợi nhuận khác	796	0,04%	7.037	0,3%	884%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.906	5%	86.135	3%	83%

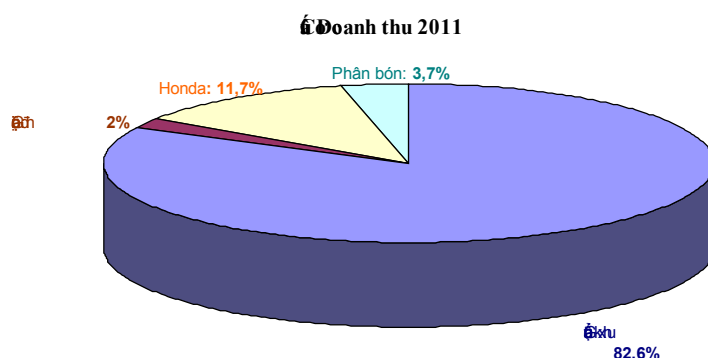
KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG NGÀNH HÀNG

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% TH 2011 / KH 2011	Thực hiện 2010	% TH 2010 / KH 2010
1. Số lượng KD lương thực (tấn)	240.000	201.046	84%	197.850	102%
- Gạo xuất khẩu	230.000	195.489	85%	192.110	102%
Trong đó: gạo thơm và gạo chất lượng cao	25.000	25.761	103%	15.543	166%
- Gạo nội địa	10.000	5.557	56%	5.740	97%
2. Doanh thu (triệu đồng)	2.636.022	2.637.611	100%	1.971.501	134%
- Lương thực	2.140.867	2.229.838	104%	1.706.208	131%
+ Gạo xuất khẩu	2.054.467	2.174.103	106%	1.656.828	131%
+ Gạo nội địa	86.400	55.735	65%	49.380	113%
* Kim ngạch (USD)	84.282.000	88.535.751	105%	74.448.662	119%
- Honda	279.742	307.531	110%	251.023	123%
Trong đó, DT phụ tùng và nhớt	32.400	38.994	120%	28.993	134%
- Phân bón	103.413	99.016	96%	14.270	694%
- Khác	112.000	1.226			

3. Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	72.000	86.135	120%	103.906	83%
- Lương thực	55.066	65.989	120%	88.046	75%
+ Gạo xuất khẩu	54.266	64.995	120%	88.768	73%
+ Gạo nội địa	800	994	124%	(722)	329%
- Honda	13.500	16.940	125%	14.349	118%
- Phân bón	3.434	(427)	-12%	(956)	45%
- Đầu tư tài chính		3.633		2.467	147%

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2011:

Tổng doanh thu của Công ty trong năm 2011 đạt 2.637,611 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, trong đó hoạt động của các ngành hàng đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu, ngoại trừ kinh doanh gạo nội địa do cạnh tranh gay gắt trên thị trường về giá nên số lượng tiêu thụ và doanh thu lần lượt chỉ đạt 5.557 tấn và 55,73 tỷ đồng, hoàn thành 56% và 65% kế hoạch, tuy nhiên vẫn phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận. Hoạt động dịch vụ kinh doanh Honda trong những năm qua đều tăng trưởng; nhất là trong hoạt động kinh doanh phụ tùng với doanh thu tăng trưởng 34% so với năm 2010.

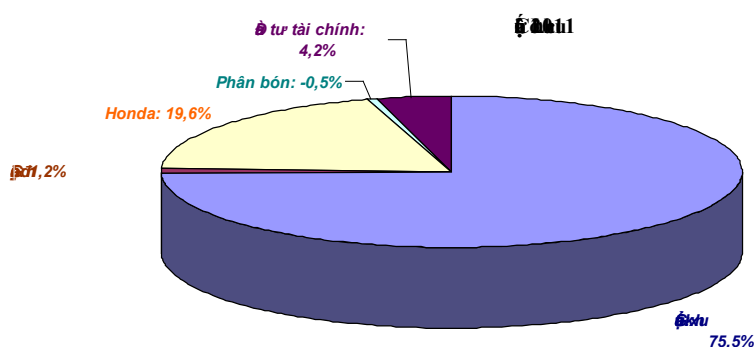


CƠ CẤU LỢI NHUẬN 2011

Trong tổng lợi nhuận trước thuế, kinh doanh gạo xuất khẩu và Honda chiếm lần lượt là 75,5% và 19,7%. Ngành hàng phân bón, với chủ trương mở rộng thị phần làm gia tăng chi phí bán hàng, đồng thời lãi suất cao làm ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2011 không đạt kế hoạch đề ra.

So năm 2010, lợi nhuận gạo xuất khẩu năm 2011 giảm 27% do giá gạo nguyên liệu đầu vào tăng 36% và giá xuất khẩu ở mức thấp trong những tháng đầu năm. Mặc dù giá tăng cao trở lại vào quý III nhưng vẫn không bù đắp đủ sự trượt giảm này.

Với kết quả lợi nhuận như trên, chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty trong năm 2011 là 20% (năm 2010: 21,56%)

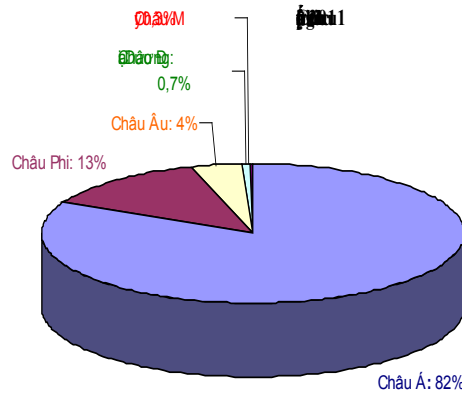


CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG GẠO XUẤT KHẨU

Kim ngạch xuất khẩu đạt 88.535.751 USD, tương ứng số lượng xuất khẩu trực tiếp 188.077 tấn gạo, tăng 19% về kim ngạch và 8% về sản lượng so năm 2010. Châu Á vẫn là thị trường chính qua nhiều năm, chiếm 82% thị phần xuất khẩu.

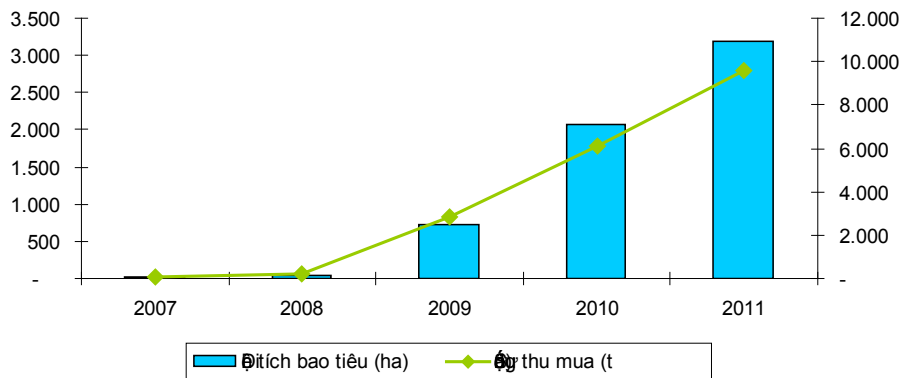
Từ nguồn cung hợp tác sản xuất lúa với người nông dân và đầu tư thiết bị phù hợp, Angimex đã nâng được sản lượng xuất khẩu gạo thơm và gạo chất lượng cao vào thị trường Châu Âu, Hongkong, Singapore, tăng 66% so với năm 2010.

Bên cạnh việc duy trì thị trường Mỹ, Angimex đã khai thác được thị trường mới Trung Quốc và Thụy Điển



PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT LÚA

Diện tích và sản lượng lúa hợp tác sản xuất năm 2011 lần lượt đạt 3.190 ha và 9.460 tấn, tăng 55% và 57% so với năm 2010



3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2011

Angimex đã thực hiện một số dự án mới phát triển chiều sâu, hướng tới mục tiêu tối ưu hóa chuỗi giá trị sản phẩm gạo.

ĐVT: Triệu Đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Ghi chú
1	Sửa chữa - Nâng cấp Văn phòng Công ty	4.751	5.342	
2	Sửa chữa - Nâng cấp Chi nhánh TP.HCM	2.200	2.238	
3	Dự án Đa Phước	39.040	0	Chuyển sang năm 2012
4	Dự án Xã Diểu	77.870	57.064	Thực hiện tiếp trong năm 2012. Trong đó tạm dừng đầu tư: - Thiết bị phụ trợ: 1,5 tỷ đồng - Dây chuyền đánh bóng: 10,4 tỷ đồng
5	Mở rộng Kho Ba Thê (Sơn Hòa)	1.535	517	Năm 2011 xây dựng nhà làm việc trị giá 517 triệu đồng, tiếp tục thực hiện mua đất mở rộng trong năm 2012
6	Trung tâm kinh doanh tổng hợp (Tổng kho)	6.500	0	Chuyển sang năm 2012
7	Mua đất, xây dựng CH Honda Châu Đốc	9.500	5.000	Đã mua đất 5 tỷ đồng, đang xin Honda Việt Nam mở Head
8	Cửa hàng Honda Thoại Sơn	1.450	1.439	
9	Nâng cấp thiết bị phụ trợ cho các Nhà máy	5.000	5.051	
10	Đầu tư cổ phần vào dự án Dầu màng gạo	73.500	0	Chuyển sang năm 2012
11	Phát sinh ngoài kế hoạch (đầu tư máy tách màu Phân xưởng Hòa An)	-	4.928	
Tổng cộng		221.346	81.579	

4. NHỮNG CẢI TIẾN ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

• Cải tiến cơ cấu tổ chức Công ty

Trong năm 2011, Công ty tiếp tục công tác cải tiến cơ cấu tổ chức nhằm nâng cao vai trò quản lý tập trung theo từng lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo tính năng động, linh hoạt trong vai trò thực hiện chức năng của từng đơn vị.

- Thành lập Phòng Kiểm soát nội bộ.
- Đề bạt, luân chuyển cấp quản lý và cấp thừa hành phù hợp với yêu cầu công việc và năng lực của CBCNV.

- **Chính sách đối với nguồn nhân lực Công ty**

- Ban hành chính sách tuyển dụng lao động công khai minh bạch để thu hút lao động giỏi.
- Phát động phong trào thi đua theo các chỉ tiêu cụ thể của từng đơn vị, khen thưởng theo kết quả đạt được; thưởng sáng kiến và cải tiến kỹ thuật.
- Chú trọng đào tạo thực tế, hội thảo chuyên đề, và du lịch hội thảo (MICE)
- Thu hút lao động giỏi thông qua hợp đồng lao động với mức lương thỏa thuận và thưởng theo hiệu quả.
- Tạo môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp để giữ lao động giỏi.

- **Mở rộng mạng lưới phân phối Honda**

Cửa hàng Thương mại – Dịch vụ Angimex Thoại Sơn được thành lập vào ngày 10/3/2011, mở thêm lĩnh vực đổi và mua bán xe mô tô mới - cũ, cùng với hoạt động sửa chữa, cung cấp phụ tùng chính hãng cho người dân huyện Thoại Sơn và các vùng lân cận.

- **Gia tăng năng lực chế biến lúa gạo**

Tháng 7/2011, Công ty đã chính thức khởi công xây dựng Khu liên hợp chế biến lúa gạo Angimex Bình Thành tại xã Bình Thành - Huyện Thoại Sơn. Dự kiến công trình sẽ đi vào hoạt động cuối Quý I/2012, Angimex sẽ tăng năng lực thu mua lúa tươi từ nông dân.

- **Đa dạng hóa kênh phân phối và chính sách bán hàng phân bón**

Công ty chủ yếu đầu tư phân bón trả chậm cho nông dân Vùng nguyên liệu. Nhằm mở rộng thị trường và gia tăng thị phần sản phẩm phân bón, ngoài chính sách bán hàng trả trước, Công ty đã cấp hạn mức bán phân bón trả chậm cho đại lý, chính vì thế số lượng đại lý tăng đáng kể lên đến 61 đại lý.

- **Quản trị rủi ro**

- Ban hành chính sách bảo mật thông tin để tránh bị rò rỉ ra bên ngoài.
- Công ty luôn theo dõi nắm bắt thông tin thị trường và dự báo tình hình để có mức tồn kho hợp lý nhằm hạn chế chi phí.
- Trong năm 2011, lãi suất và tỷ giá diễn biến rất phức tạp. Công ty luôn theo dõi, phân tích diễn biến lãi suất, tỷ giá trên thị trường, đưa ra quyết định kịp thời nhằm tránh và hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất.
- Công tác kiểm soát nội bộ đã thực hiện được các hoạt động rà soát lại các quy chế, quy định, quy trình trong công ty, bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp tình hình thực tế, đề ra các biện pháp phòng chống rủi ro cho các ngành hàng, và đảm bảo hoạt động của Công ty luôn phù hợp pháp luật. Đồng thời tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 đối với hoạt động sản xuất kinh doanh gạo.

5. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHO NĂM 2012

- **Kế hoạch kinh doanh:**

Năm 2012, dự báo tình hình kinh tế thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, có nhiều thông tin bất lợi liên quan đến xuất khẩu gạo trong những tháng đầu năm. Trên nền tảng nội lực cũng như những lợi thế có được, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh 2012 trên cơ sở duy trì sự ổn định ngành hàng chủ lực, phát huy toàn diện thế mạnh trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo, tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa xuất khẩu gạo thơm, gạo chất lượng cao và kinh doanh gạo nội địa. Bên cạnh đó, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh doanh phụ tùng Honda, kinh doanh phân bón nhằm phát huy tối đa năng lực hoạt động của các ngành.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012
1. Số lượng tiêu thụ:	
- Lương thực (tấn)	232.000
+ Gạo xuất khẩu	220.000
Trong đó gạo thơm và gạo chất lượng cao	50.000
+ Gạo nội địa	12.000
- Honda (xe)	12.500
- Phân bón (tấn)	15.000
2. Doanh thu (triệu đồng)	3.198.000
- Lương thực	2.647.330
+ Gạo xuất khẩu	2.545.880
+ Gạo nội địa	101.450
* Kim ngạch xuất khẩu (USD)	97.067.000
- Honda	360.600
Trong đó: Doanh thu Phụ tùng và nhớt	41.700
- Phân bón	190.070
3. Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	72.000
- Lương thực	57.500
+ Gạo xuất khẩu	56.600
+ Gạo nội địa	900
- Honda	14.000
- Phân bón	500

- Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu:**

Giống lúa	Đông Xuân	Hè Thu	Thu Đông	Tổng cộng	% so 2011
Diện tích bao tiêu (ha)	2.500	2.000	2.500	7.000	219%
Thu mua lúa (tấn):	16.000	15.600	16.000	47.600	
- Mua trong VNL	12.000	9.600	12.000	33.600	
- Mua ngoài	4.000	6.000	4.000	14.000	

- Kế hoạch đầu tư:**

TT	Nội dung đầu tư	2011 chuyển sang	Phát sinh 2012	Tổng cộng	Tiến độ thực hiện
1	Dự án Xã Diều	7.170		7.170	Hoàn thành vào cuối tháng 02.2012
2	Dự án Tổng kho	6.500		6.500	Thực hiện trong năm 2012
3	Dự án đầu màng gạo	73.500		73.500	Thực hiện trong năm 2012
4	Dự án Đa Phước	39.040		39.040	Thực hiện trong năm 2012
5	Các dự án mở rộng	1.000	19.100	20.100	Thực hiện trong năm 2012
	- Kho Ba Thê (mua đất và thiết bị)	1.000	7.500	8.500	
	- Kho Hòa Lạc (mua đất)		2.000	2.000	
	- Kho Thọại Sơn (máy tách màu)		8.000	8.000	
	- Kho Chợ Mới (mua đất)		1.600	1.600	

6	Cải tạo, nâng cấp, tăng tỷ lệ thu hồi, giảm hao hụt		8.000	8.000	Hoàn thành trong năm 2012
	- Xây dựng cơ bản		2.000	2.000	
	- Thiết bị		6.000	6.000	
7	Khắc phục lũ lụt		2.500	2.500	Hoàn thành trong năm 2012
	Tổng	127.210	29.600	156.810	

6. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN NHỮNG MỤC TIÊU ĐỀ RA

- **Vùng nguyên liệu :**

- Hợp tác sản xuất lúa thơm và chất lượng cao theo đúng quy trình canh tác khép kín từ khâu đầu tư lúa giống, phân bón, nông dược, hỗ trợ kỹ thuật canh tác, thu mua lúa, sấy, xay xát, tồn trữ và bảo quản nhằm cung cấp nguồn cung nguyên liệu chất lượng cao ổn định cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
- Quy hoạch các vùng gieo trồng tập trung từng loại lúa có chất lượng khác nhau.

- **Lương thực:**

Gạo xuất khẩu:

- Đẩy mạnh công tác bán hàng, duy trì thị trường truyền thống ở Châu Á và Châu Phi,
- Khai thác cơ hội gạo thơm Thái Lan giảm năng lực cạnh tranh do giá tăng, chủ động tiếp thị trực tiếp để mở rộng thị trường chất lượng cao tại Hongkong, Singapore, Trung Quốc, hạn chế cạnh tranh gạo cấp thấp với Ấn Độ và Pakistan.
- Tăng cường quản lý chất lượng, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO và HACCP nhằm phát triển và mở rộng thị trường Châu Âu, Châu Đại Dương và Châu Mỹ.

Gạo nội địa:

- Chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm.
- Duy trì khách hàng hiện có, tập trung phát triển kênh siêu thị, mở rộng thị trường TP.HCM Đông Nam Bộ và miền Trung
- Thực hiện các chương trình Marketing và bổ sung nhân sự bán hàng để mở rộng thị trường.
- Bán hàng theo 2 hình thức: thanh toán trả trước và trả chậm.
- Hạ chi phí, giảm giá thành sản xuất.

- **Honda**

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hình ảnh, đặc biệt là chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng tại 04 HEAD.
- Thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi hay giảm giá để đẩy mạnh bán lẻ tại các HEAD, đạt chỉ tiêu số lượng bán lẻ chiếm 80% tổng số lượng tiêu thụ 2012 và thu hút khách hàng đến sửa chữa bảo trì.
- Mua ngoài 1.000 xe với những loại xe có sức tiêu thụ cao, ngoài số lượng được phân bổ từ Honda.
- Kiểm soát chi phí tài chính bằng định mức tồn kho.
- Khai thác mạnh thị trường phụ tùng hiện có, và phát triển thị trường ngoài Tỉnh.
- Tìm kiếm thêm các đối tác liên doanh bán xe trả góp nhằm đẩy mạnh doanh thu.

- **Phân bón:**

- Theo dõi và cập nhật thường xuyên thông tin và diễn biến giá cả thị trường để có quyết định mua bán tồn kho hiệu quả theo từng vụ mùa.
- Bán hàng theo 2 hình thức: thanh toán trả trước và trả chậm.
- Duy trì khách hàng hiện có, khai thác thêm khách hàng mới trong và ngoài tỉnh.
- Thực hiện chính sách bán hàng ưu đãi, tuy nhiên có sự kiểm soát và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình.
- Nâng cấp sửa chữa 3 Cửa hàng Chợ Vàm, An Hòa và Thoại Sơn để đẩy mạnh hoạt động bán lẻ phân bón đến tận người nông dân.

7. QUẢN TRỊ RỦI RO:

- **Rủi ro lãi suất-tỷ giá:**

Rủi ro lãi suất và tỷ giá là các loại rủi ro thường xuyên gặp phải, năm 2012 dự báo lãi suất và tỷ giá còn nhiều biến động.

Công ty sẽ luôn theo dõi diễn biến lãi suất, tỷ giá thị trường hàng ngày và thống kê, phân tích, đo lường, đánh giá bằng các phương pháp dự báo tỷ giá nhằm phát hiện và xử lý kịp thời.

- **Rủi ro về biến động giá:**

Giá nông sản nói chung và giá lúa gạo nói riêng bị tác động bởi rất nhiều yếu tố như tình hình cung cầu trên thị trường, vụ mùa, thiên tai, giá dầu, ...

Công ty luôn theo dõi sát tình hình cung cầu trên thị trường, mùa vụ, và các yếu tố tác động để có kế hoạch mua bán linh hoạt và tồn kho hợp lý.

- **Rủi ro trong vận hành, tác nghiệp**

Angimex áp dụng các biện pháp:

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2000 vào các quy trình hoạt động sản xuất và tác nghiệp.
- Quy định phân công, phân quyền, ... cho từng bộ phận
- Đào tạo và đào tạo lại để không ngừng nâng cao trình độ của nhân viên
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ
- Trích lập kịp thời quỹ dự phòng rủi ro
- Mua bảo hiểm cho tài sản và nhân viên
- Tổng hợp, phân tích các loại rủi ro trong vận hành, tác nghiệp để rút ra các bài học phòng ngừa. Xây dựng hệ thống các dữ liệu rủi ro trong vận hành, tác nghiệp để phục vụ cho công tác quản lý rủi ro







**IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

1. CÔNG TY NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN:

Mã số cổ đông	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Địa chỉ
AGM0371	Công ty CP đầu tư & phát triển Nguyễn Kim	9.160.650	50,33%	01-05, Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TPHCM

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN:

Chi tiết	Đầu năm		Đến thời điểm 31/12/2011		LN đã nhận 2011 (Tr.đ)
	SL (CP)	Trị giá (Tr.đ)	SL (CP)	Trị giá (Tr.đ)	
Cổ phiếu	4.714.876	152.261	4.737.654	152.261	214
1. Eximbank	113.893	1.151	136.671	1.151	185
2. HTXNN Phú Thạnh (tên cũ Trường Thạnh)	600	60	600	60	18
3. HTXNN Tân Mỹ Hưng	133	20	133	20	-
4. HTXNN Thọ Mỹ Hưng	250	30	250	30	12
5. Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Vĩnh Hội	4.500.000	150.000	4.500.000	150.000	
6. Docitrans	100.000	1.000	100.000	1.000	
Góp vốn liên doanh		6.701		6.982	3.419
1. Cty TNHH Anginex-Kitoku		2.951		2.951	1.348
2. Cty TNHH TM Sài Gòn-An Giang		4.031		4.031	2.070
TỔNG		159.243		159.243	3.633



A close-up photograph of rice panicles in a field. The panicles are golden-brown and hang from green stems. The background is a soft-focus green field. A semi-transparent blue horizontal bar is overlaid across the middle of the image, containing white text.

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
- Căn cứ báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2011 của Ban Tổng Giám đốc Công ty được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra quá trình hoạt động của Công ty kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2011 như sau:

1. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

• Công tác tài chính kế toán, lập và kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm 2011:

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các số liệu tài chính được ghi nhận đầy đủ, chính xác từ việc tổng hợp số liệu chi tiết của các chứng từ gốc hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2011 của Công ty được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chế độ quản lý tài chính do Bộ Tài Chính ban hành.

- Tình hình tài sản và nguồn vốn của Angimex đến thời điểm 31/12/2011:

ĐVT: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU (TR.Đ)	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	673.431	1.017.217
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	346.927	645.821
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		41.770
III. Các khoản phải thu	109.602	94.744
IV. Hàng tồn kho	205.300	221.498
V. Tài sản ngắn hạn khác	11.602	13.384
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	246.323	219.176
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	86.037	59.141
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	159.243	159.243
V. Tài sản dài hạn khác	1.043	792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	919.754	1.236.393
A. NỢ PHẢI TRẢ	567.819	872.195
I. Nợ ngắn hạn	566.075	864.326
II. Nợ dài hạn	1.744	7.869
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	351.935	364.198
I. Vốn điều lệ	182.000	58.285
II. Vốn, quỹ khác	169.935	305.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	919.754	1.236.393

- **Về tài sản:**

Tổng tài sản của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang đến ngày 31/12/2011 là 919.754 triệu đồng, so cùng kỳ năm trước giảm 26%. Trong đó:

- Tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Số dư cuối năm 346.927 triệu đồng, giảm 46% so với đầu năm.
- Công nợ phải thu: số dư cuối năm 109.602 triệu đồng, tăng 16% so với đầu năm; trong đó phải thu cho các hợp đồng chính phủ chiếm 47% số dư cuối năm. Trong năm Công ty cũng đã thực tốt việc theo dõi và thu hồi công nợ.
- Hàng tồn kho: giảm 7%, số dư cuối năm là 205.300 triệu đồng. Hàng tồn kho chủ yếu là gạo thành phẩm, chuẩn bị xuất cho năm tới.

- **Về nguồn vốn:**

Tổng nguồn vốn của Angimex đến 31/12/2011 là: 919.754 triệu đồng.

- Nợ phải trả: Tổng dư nợ cuối kỳ 2011 là 566.075 triệu đồng, so với cùng kỳ năm trước giảm 35%. Trong năm, Công ty đã tích cực quay nhanh vòng vốn, giảm chi phí sử dụng vốn ngắn hạn.
- Vốn chủ sở hữu: Tổng nguồn vốn chủ sở hữu: 351.935 triệu đồng, trong đó: Vốn điều lệ: 182.000 triệu đồng. Trong năm 2011 Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ:
 - + Tăng vốn đợt 1: Phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 1:2 cho cổ đông hiện hữu.
 - + Tăng vốn đợt 2: Phát hành cổ phiếu ESOP

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011:

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2011 của Công ty đã được Công ty TNHH DFK Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	TH 2011/ KH 2011	TH 2011/ TH 2010
1	Tổng doanh thu	2.636.000	2.780.637	2.087.335	105%	133%
	Doanh thu từ HĐSXKD		2.637.611	1.971.501		
	Doanh thu từ HĐ Tài chính		135.608	114.990		
	Doanh thu khác		7.418	844		
2	Tổng chi phí		2.694.502	1.983.429		
	Chi phí từ HĐSXKD		2.607.810	1.931.756		
	Chi phí từ HĐ Tài chính		86.311	51.625		
	Chi phí khác		381	48		
3	Lợi nhuận trước thuế	72.000	86.135	103.906	120%	83%
4	Thuế TNDN phải nộp		15.732	25.372		
5	Lợi nhuận sau thuế		70.403	78.534		
6	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		4.239	13.474		
	LNST / doanh thu		2,5%	3,76%		
	LNST / Vốn điều lệ		38,7%	134,7%		

- **Nhận xét:**

Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2011 do Đại hội Cổ đông đề ra như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2011 là: 2.780 tỷ đồng, đạt 133% so với năm 2010 và đạt 105% so với kế hoạch năm do Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2011 là: 86 tỷ đồng, đạt 83% so với năm 2010 và đạt 120% so với kế hoạch năm do Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

- **Phân phối lợi nhuận năm 2011:**

- Lợi nhuận sau thuế: 70.402.900.108 đồng
- Đã trả cổ tức đợt 1 (20%) năm 2011: 36.400.000.000 đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 34.002.900.108 đồng

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2011 Ban Kiểm Soát (BKS) đã thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều Hành (BDH) trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động cụ thể như sau:

- Trưởng BKS đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT và BDH.
- BKS đã tham gia kiểm kê hàng hóa cuối năm, thẩm tra báo cáo tài chính hàng quý của công ty; cùng với đoàn kiểm toán kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và năm 2011.
- Xem xét tính hợp lý các quy định và quy trình luân chuyển chứng từ kế toán
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các nghĩa vụ tài chính khác).
- Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm Soát được Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhận xét đánh giá chung :

Đối với Hội đồng Quản trị :

- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp hàng quý để xây dựng chương trình hoạt động công tác quý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra, Hội đồng Quản trị đã thể hiện sự vững vàng trong công tác quản lý doanh nghiệp và đã đạt được kết quả mà Nghị quyết Đại hội Cổ đông đã đề ra.
- Ban Kiểm Soát đồng ý với các đánh giá của Hội đồng Quản trị tại báo cáo thường niên năm 2011.

Đối với Ban Điều Hành :

- Trong năm 2011, Ban Điều Hành đã thực hiện đúng các quy định hiện hành của Pháp luật nhà nước, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

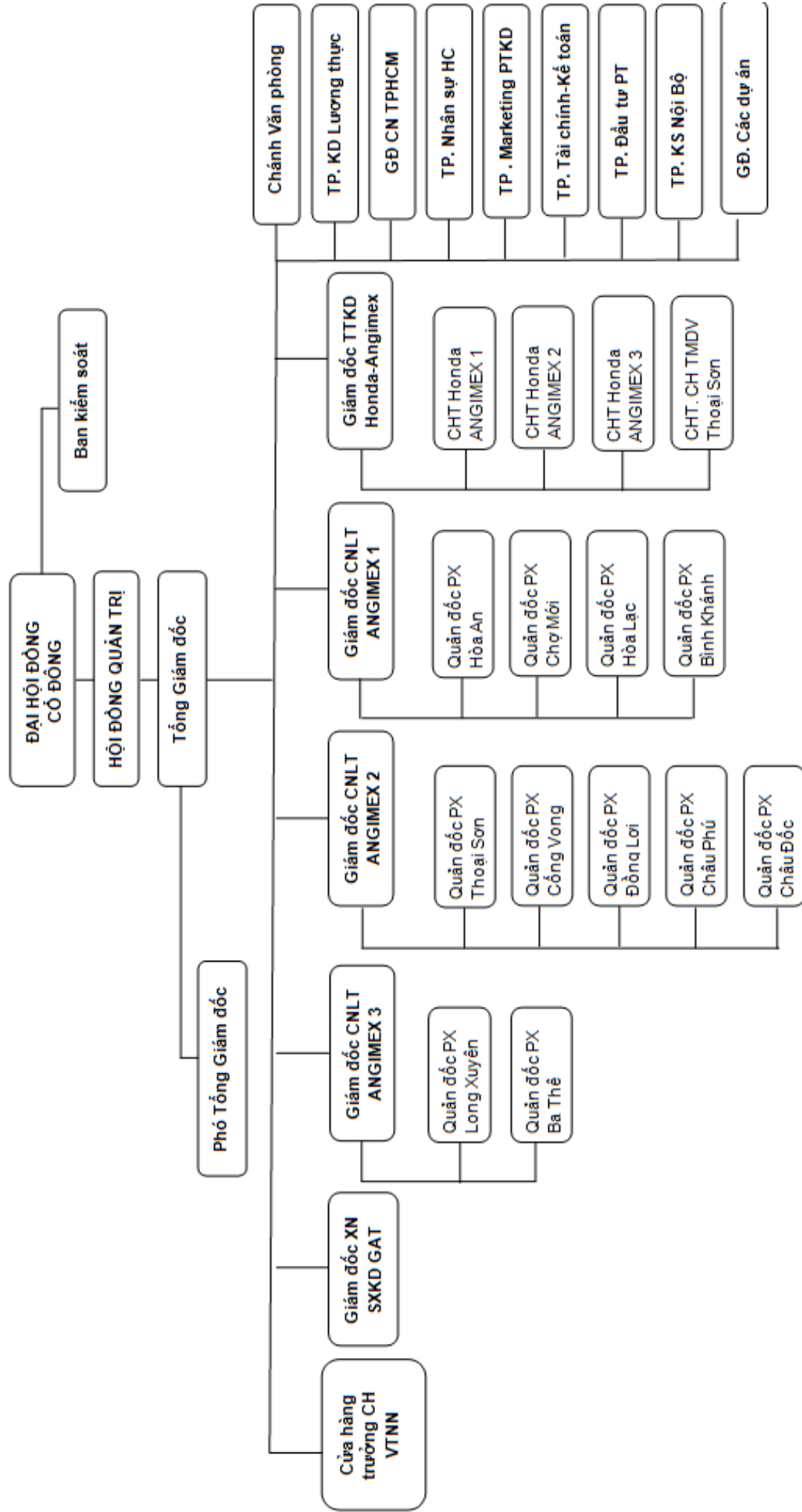
4. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Với hiệu quả kinh doanh của năm 2011 và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm sắp tới. BKS đề nghị HĐQT, BDH trình Đại hội đồng cổ đông phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới và tiến hành các thủ tục niêm yết cổ phiếu của Công ty

A close-up photograph of several tulips with fringed, double petals in shades of pink and white. The flowers are set against a vibrant green background. A semi-transparent blue horizontal band is overlaid across the middle of the image, containing white text.

**VI. TỔ CHỨC NHÂN SỰ -
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN**

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Cao Minh Lãm	1959	Chủ tịch	Đại học kinh tế
Ông Huỳnh Văn Thôn	1958	Phó Chủ tịch	Đại học kinh tế
Ông Anthony Nguyễn	1968	Thành viên	Cao học kinh tế
Ông Lê Trường Sơn	1963	Thành viên	Cao học kinh tế
Ông Nguyễn Thanh Sử	1975	Thành viên	Cử nhân luật, kinh tế, Đông Phương học và Anh văn
Ông Nguyễn Văn Tiến	1961	Thành viên	Đại học kinh tế

Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	1972	Thành viên	Đại học kinh tế
-------------------------	------	------------	-----------------

3. BAN KIỂM SOÁT:

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Trang Hữu Nghĩa	1972	Trưởng ban	Đại học Luật
Ông Bùi Việt Dũng	1973	Thành viên	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Ông Trần Hữu Hiệp	1979	Thành Viên	Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

4. BAN ĐIỀU HÀNH:

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Nguyễn Văn Tiến	1961	Tổng Giám đốc	Đại học kinh tế
Ông Võ Thanh Bào	1964	Phó Tổng Giám đốc	Đại học kinh tế
Ông Huỳnh Thanh Tùng	1977	Kế toán trưởng	Đại học tài chính kế toán

5. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- **Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:**

Thay đổi lần thứ nhất, khi kết thúc sớm nhiệm kỳ lần I (2008-2010) và bầu lại nhiệm kỳ lần II (2011-2015) :

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cao Minh Lãm	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Ông Huỳnh Văn Thòn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Anthony Nguyễn	Thành viên
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Đăng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2011)
Bà Lê Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)
Bà Lê Hà Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/08/2011)
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/08/2011)

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Trần Thế Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Lê Văn Liêm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Trần Hữu Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)

- **Ban Điều hành không thay đổi nhân sự trong năm 2011.**

6. THÙ LAO CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, LƯƠNG THƯỜNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC

- **Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Thư ký:**

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2011, Công ty đã tiến hành chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký năm 2011 là 1.164.000.000 đồng. Trong đó, Hội đồng quản trị là 924.000.000 đồng; Ban Kiểm soát là 216.000.000 đồng, thư ký HĐQT là 24.000.000 đồng.

- **Lương thường và quyền lợi của Ban Điều hành:**

Công ty áp dụng chính sách lương thường dành cho Ban Điều hành xét trên hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh được Hội đồng quản trị thông qua. Chính sách lương được Hội đồng quản trị bổ sung khi hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận nhằm khích lệ những nỗ lực cống hiến của Ban Điều hành đối với sự phát triển của Công ty.

7. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm củng cố xây dựng và phát triển một đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi nghiệp vụ, yêu thích công việc và tâm huyết với sự phát triển của Công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện nội quy, quy chế lao động, quy chế lương thưởng công bằng, hợp lý, thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động và áp dụng các chế độ đãi ngộ để quản lý và phát triển nguồn nhân lực

Về chính sách đào tạo: Công tác đào tạo nâng cao kiến thức luôn được Công ty quan tâm và thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng quản lý, các hội thảo chuyên đề cho cán bộ nhân viên tham dự phù hợp theo từng vị trí. Kinh phí đào tạo cho năm 2011 trên 200 triệu đồng. Năm 2012, ngoài việc đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Công ty tập trung vào công tác đào tạo nội bộ, đào tạo theo

từng nhu cầu, đối tượng, khuyến khích CBCNV tổ chức các chuyên đề hội thảo, trao đổi và học tập những kiến thức và kinh nghiệm lẫn nhau, dự kiến kinh phí cả năm 2012 là 550 triệu đồng.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ĐỐI TƯỢNG NÓI TRÊN

Hội đồng quản trị: không có

Ban Kiểm soát: Ông Bùi Việt Dũng, Thành viên Ban Kiểm soát, chuyển nhượng 35.400 cổ phần

Ban Điều hành: không có

Những người có liên quan: không có

9. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG GÓP VỐN.

• Cổ đông góp vốn nhà nước:

Tổ chức	SL Cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Địa chỉ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	5.126.550	28,168%	15A, Trần Khánh Dư, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

• Cổ đông góp vốn nước ngoài:

Tổ chức	SL Cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Địa chỉ
Dan Bau LLC	318.000	1,747%	Po Box 309, Uglan House Grand Cayman, KY1-1104, Cayman islands/Lầu 7, 63 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh (ủy quyền Trần Văn Trọng - ĐC: Lầu 7, 63 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh)





VII. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Năm 2011, Angimex chính thức tròn 35 năm tuổi. Từ khi thành lập cho đến nay, công tác xã hội đã trở thành một hoạt động truyền thống trong nét đẹp văn hóa kinh doanh của Angimex. Tiếp nối năm 2010, “Giáo dục nông thôn” vẫn là mục tiêu chủ yếu trong hoạt động cộng đồng của Angimex, nhằm hưởng ứng chủ trương xây dựng Nông thôn mới của tỉnh An Giang.

TÀI TRỢ GIÁO DỤC

- Triển khai chương trình tài trợ của Quỹ “Angimex phát triển nông thôn” năm 2010 – 2011, Angimex đã tiến hành bàn giao trực tiếp 365 máy vi tính cho 21 trường THCS thuộc tỉnh An Giang. Từ hiệu quả các phòng máy tính Angimex đã tài trợ và nhu cầu của học sinh, Angimex đã công bố tiếp tục trích thêm 1,3 tỷ đồng để trang bị máy tính cho các trường học trong năm 2012.

- Thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện An Phú, Angimex đã gửi tặng 4.000 quyển tập cho các trường học để chia sẻ với những khó khăn trong công tác giáo dục của huyện biên giới này, nhất là sau đợt mưa lũ vào nửa cuối năm 2011 vừa qua.

- Nhằm trang bị những kiến thức về luật giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn cho cộng đồng, Hội thi “Cùng Angimex lái xe an toàn” đã được tổ chức lần lượt tại 03 HEAD Angimex, trường Đại học An Giang và thị xã Châu Đốc

- Hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới năm 2011, Angimex đã tài trợ 55 triệu đồng cho chương trình tuyên truyền trực quan bao gồm các hoạt động: lễ mít tinh phát động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới; Diễu hành xe cổ động; Trồng cây tại khu lưu niệm Bác Tôn, Đại học An Giang, khu du lịch Núi Cấm; Thu gom rác, khai thông rạch Cái Sơn, rạch Xẻo Chanh trên địa bàn TP. Long Xuyên; Treo các biểu ngữ, phướn tuyên truyền;với mục đích chung tay nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo tồn các hệ sinh thái và môi trường.

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI KHÁC

- Angimex đã đóng góp 10.000 USD để chia sẻ với những mất mát to lớn của người dân và đất nước Nhật Bản sau thảm họa kép động đất, sóng thần vào tháng 03/2011.

- Angimex tài trợ 100 triệu đồng cho quỹ “Mái ấm ATV”, học bổng “ATV tiếp bước đến trường” của Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang, tài trợ 100 triệu đồng quỹ xã hội từ thiện của Báo An Giang.

- Angimex tài trợ 30 triệu đồng cho CLB Bóng đá An Giang.

- Thăm và tặng quà cho Trung tâm bảo trợ người già và trẻ mồ côi TP. Long Xuyên; Tặng quà tết cho các hộ gia đình khó khăn ở các địa phương trong Tỉnh; Đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, Quỹ “Cây Mùa Xuân”, Quỹ Khuyến học,....





VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cao Minh Lãm	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Ông Huỳnh Văn Thòn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Anthony Nguyễn	Thành viên
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Đăng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2011)
Bà Lê Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011, từ nhiệm ngày 25/08/2011)
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/08/2011)

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Trần Thế Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Lê Văn Liêm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Trần Hữu Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám Đốc
Ông Võ Thanh Bào	Phó Tổng Giám Đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên

quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính..

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

An Giang, ngày 03 tháng 02 năm 2012

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

A handwritten signature in black ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the following text: 'S.D.K.K.D: 1600230737-G.T.' around the top edge, 'CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG' in the center, and 'TP. LONG XUYEN - T. AN GIANG' around the bottom edge.

CAO MINH LÃM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 03 tháng 02 năm 2011, từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.


 Nguyễn Lương Nhân
 Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182 /KTV
 Thay mặt và đại diện cho:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
 Ngày 03 tháng 02 năm 2012
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


 Nguyễn Anh Tuấn
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	1/1/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		673.430.583.752	1.017.216.344.030
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4)	346.926.737.311	645.820.942.664
Tiền	111		20.221.293.015	2.610.589.877
Các khoản tương đương tiền	112		326.705.444.296	643.210.352.787
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	41.770.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		-	41.770.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5)	109.601.749.004	94.743.668.820
Phải thu khách hàng	131		82.117.641.528	80.122.670.424
Trả trước cho người bán	132		25.667.497.284	5.702.822.717
Các khoản phải thu khác	138		2.278.893.692	9.368.345.679
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(462.283.500)	(450.170.000)
Hàng tồn kho	140	(6)	205.300.486.607	221.497.730.137
Hàng tồn kho	141		209.757.155.007	221.497.730.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.456.668.400)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	(7)	11.601.610.830	13.384.002.409
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	146.813.332
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.154.337.733	12.701.452.653
Tài sản ngắn hạn khác	158		447.273.097	535.736.424
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.323.299.938	219.176.261.746
Tài sản cố định	220		86.036.743.782	59.140.977.894
TSCĐ hữu hình	221	(8)	63.003.352.006	44.839.750.762
- Nguyên giá	222		129.718.124.967	103.556.191.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.714.772.961)	(58.716.440.833)
TSCĐ vô hình	227	(9)	22.835.919.594	13.030.108.561
- Nguyên giá	228		23.848.868.025	13.945.424.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.012.948.431)	(915.316.224)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		197.472.182	1.271.118.571
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(10)	159.242.835.677	159.242.835.677
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		156.982.262.602	156.982.262.602
Đầu tư dài hạn khác	258		2.260.573.075	2.260.573.075
Tài sản dài hạn khác	260		1.043.720.479	792.448.175
Chi phí trả trước dài hạn	261		792.720.479	535.748.175
Tài sản dài hạn khác	263		251.000.000	256.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		919.753.883.690	1.236.392.605.776

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	1/1/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		567.818.453.338	872.194.410.095
Nợ ngắn hạn	310		566.074.707.947	864.325.806.395
Vay và nợ ngắn hạn	311	(11)	459.875.576.452	756.412.694.710
Phải trả cho người bán	312		13.425.531.659	11.119.576.133
Người mua trả tiền trước	313		16.018.272.916	19.524.291.292
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(12)	46.974.641.780	40.133.887.403
Phải trả công nhân viên	315		13.034.266.325	21.936.990.241
Chi phí phải trả	316	(13)	6.328.885.462	6.195.499.816
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.888.134.269	3.564.032.790
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(14)	7.529.399.084	5.438.834.010
Nợ dài hạn	330		1.743.745.391	7.868.603.700
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	333		455.346.629	412.860.113
Vay dài hạn	338	(15)	1.288.398.762	7.455.743.587
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		351.935.430.352	364.198.195.681
Vốn chủ sở hữu	410	(16)	351.935.430.352	364.198.195.681
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	58.285.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	415		863.985.578	10.634.295.073
Quỹ đầu tư phát triển	416		70.039.000.000	54.332.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.510.000.000	13.583.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		81.522.444.774	227.363.900.608
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		919.753.883.690	1.236.392.605.776



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2011 VND	1/1/2011 VND
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	113.500.000	17.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Ngoại tệ các loại	-	-
- USD	12.192.511,71	8.993.670,19
- EUR	76,18	2.216.212,07
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

An Giang, ngày 03 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TIẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUYỀN THANH TÙNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(17)	2.637.779.965.783	1.979.251.943.637
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		168.968.133	7.750.865.158
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.637.610.997.650	1.971.501.078.479
Giá vốn hàng bán	11	(18)	(2.498.665.986.362)	(1.823.314.328.045)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		138.945.011.288	148.186.750.434
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(19)	135.608.413.605	114.990.909.787
Chi phí tài chính	22	(20)	(86.310.997.732)	(51.625.113.627)
- Trong đó: lãi vay	23		(74.782.625.065)	(49.565.113.795)
Chi phí bán hàng	24	(21)	(80.997.226.420)	(78.886.189.296)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(22)	(28.147.145.846)	(29.555.927.006)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		79.098.054.895	103.110.430.292
Thu nhập khác	31		7.418.303.712	843.519.787
Chi phí khác	32		381.404.953	47.891.129
Lợi nhuận khác	40	(23)	7.036.898.759	795.628.658
Lãi kế toán trước thuế	50		86.134.953.654	103.906.058.950
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(24)	(15.732.053.546)	(25.372.257.967)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.402.900.108	78.533.800.983
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(25)	4.239	13.474

An Giang, ngày 03 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN TIẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUYỀN THANH TÙNG

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2011	NĂM 2010
		VND	VND
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	86.134.953.654	103.906.058.950
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	11.296.370.623	7.997.375.275
- Các khoản dự phòng	03	4.468.781.900	(124.982.500)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.689.608.351)	(59.063.685.084)
- Chi phí lãi vay	06	74.782.625.065	49.565.113.795
3. Lợi nhuận/(chi phí) kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	122.998.375.968	102.279.880.436
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.279.605.700)	88.819.980.668
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	11.740.575.130	61.731.126.093
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(11.487.501.958)	(4.757.809.207)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(110.158.972)	588.263.559
- Tiền lãi vay đã trả	13	(74.649.239.419)	(49.565.113.795)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.174.651.106)	(33.304.912.642)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.782.168.281
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.204.555.942)	(7.522.151.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.833.238.001	164.051.431.951
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(38.466.124.503)	(15.280.806.911)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	9.181.816	6.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.618.284.894.820)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.576.514.894.820
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(151.281.114.602)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	41.770.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.949.161.450	59.083.370.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	57.262.218.763	(149.242.187.349)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.145.000.000		-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.598.418.301.809	2.120.467.995.458	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.910.138.855.921)	(1.893.753.649.048)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(75.693.800.000)	(29.142.500.001)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(380.269.354.111)	197.571.846.409	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(298.173.897.348)	212.381.091.011	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	645.820.942.664	434.372.816.399	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(720.308.005)	(932.964.746)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	346.926.737.311	645.820.942.664	

An Giang, ngày 03 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TIẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUYỀN THANH TÙNG



**IX. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ
BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 10 ngày 21 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 297 người.

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xay xát thóc lúa, đánh bóng và xuất khẩu gạo, mua bán lương thực, thực phẩm, mua bán xe máy và phụ tùng, mua bán phân bón. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	THỜI GIAN (NĂM)
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc thiết bị	05 – 08
- Phương tiện vận tải	08 – 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
- Tài sản cố định khác	05
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	
- Quyền sử dụng đất	50
- Phần mềm máy vi tính	03
- Giấy phép nhượng quyền	05

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng

thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại (nếu có) chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác (nếu có) được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	308.136.553	1.353.893.660
Tiền gửi ngân hàng	19.913.156.462	1.256.696.217
Các khoản tương đương tiền (*)	326.705.444.296	643.210.352.787
Cộng	346.926.737.311	645.820.942.664

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	82.117.641.528	80.122.670.424
Trả trước cho người bán	25.667.497.284	5.702.822.717
Các khoản phải thu khác	2.278.893.692	9.368.345.679

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(462.283.500)	(450.170.000)
Cộng	109.601.749.004	94.743.668.820

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.996.117.000	15.828.621.431
Bao bì luân chuyển	1.923.572.447	720.109.005
Thành phẩm	92.404.539.690	136.189.908.164
Hàng hoá	81.886.188.674	38.089.251.520
Hàng gửi bán	30.546.737.196	30.669.840.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.456.668.400)	-
Cộng	205.300.486.607	221.497.730.137

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	146.813.332
Thuế GTGT được khấu trừ	11.154.337.733	12.701.452.653
Tạm ứng	447.273.097	535.736.424
Cộng	11.601.610.830	13.384.002.409

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	47.025.707.164	46.454.542.742	6.829.437.707	3.246.503.982	103.556.191.595
Tăng	13.932.787.410	14.408.953.551	135.044.360	1.159.542.331	29.636.327.652
Thanh lý	(95.504.000)	(2.842.255.200)	-	(536.635.080)	(3.474.394.280)
Tại ngày 31/12/2011	60.862.990.574	58.021.241.093	6.964.482.067	3.869.411.233	129.718.124.967

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2011	29.903.846.459	24.884.231.222	2.280.689.254	1.647.673.898	58.716.440.833
Khấu hao trong năm	4.048.642.784	5.884.063.090	813.306.268	452.726.274	11.198.738.416
Thanh lý	(84.669.819)	(2.593.536.283)	-	(522.200.186)	(3.200.406.288)
Tại ngày 31/12/2011	33.867.819.424	28.174.758.029	3.093.995.522	1.578.199.986	66.714.772.961

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2011	17.121.860.705	21.570.311.520	4.548.748.453	1.598.830.084	44.839.750.762
Tại ngày 31/12/2011	26.995.171.150	29.846.483.064	3.870.486.545	2.291.211.247	63.003.352.006

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.937.788.508 đồng.

Tổng giá trị tài sản đem đi thế chấp với giá trị còn lại là 3.274.808.778 đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử Dụng đất VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	13.550.084.785	315.140.000	80.200.000	13.945.424.785
Tăng	9.903.443.240	-	-	9.903.443.240
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	23.453.528.025	315.140.000	80.200.000	23.848.868.025
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2011	519.976.224	315.140.000	80.200.000	915.316.224
Khấu hao trong năm	97.632.207	-	-	97.632.207
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	617.608.431	315.140.000	80.200.000	1.012.948.431
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2011	13.030.108.561	-	-	13.030.108.561
Tại ngày 31/12/2011	22.835.919.594	-	-	22.835.919.594

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 395.340.000 đồng.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)		156.982.262.602	156.982.262.602
Đầu tư dài hạn khác (**)		2.260.573.075	2.260.573.075
		159.242.835.677	159.242.835.677
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Cộng		159.242.835.677	159.242.835.677

(*) Chi tiết khoản góp vốn đầu tư vào cơ sở kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ % sở hữu	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty ANGIMEX-KITOKU	32,96 %	2.951.148.000	2.951.148.000
Công ty TNHH TM Sài Gòn-An Giang	25 %	4.031.114.602	4.031.114.602
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội	25 % (***)	150.000.000.000	150.000.000.000
		156.982.262.602	156.982.262.602

(***) Công ty đã góp 150 tỷ đồng để mua 4.5 triệu cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 101/06/09 được ký kết ngày 08/6/2009.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3505314798 do Sở Kế hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh, Vốn điều lệ là 180 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 01-05 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Tp HCM.

(**) Chi tiết các khoản đầu tư khác như sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng XNK Việt Nam - CN An Giang	1.150.623.075	1.150.623.075
Công ty CP Docitrans	1.000.000.000	1.000.000.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Trường Thành	60.000.000	60.000.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Mỹ Hưng	19.950.000	19.950.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Thọ Mỹ Hưng	30.000.000	30.000.000
Cộng	2.260.573.075	2.260.573.075

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	459.256.759.136	755.488.714.052
Nợ dài hạn đến hạn trả	618.817.316	923.980.658
Cộng	459.875.576.452	756.412.694.710

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển An Giang	103.103.299.000	133.996.108.500
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN An Giang	14.000.000.000	152.037.514.532
Ngân hàng TMCP Công Thương – CN An Giang	250.000.000.000	164.431.738.700
Ngân hàng An Bình – CN Cần Thơ	-	30.291.200.000
Ngân hàng ANZ	-	60.774.831.561
Ngân hàng HSBC	62.000.000.000	57.729.441.384
Ngân hàng Liên Việt – CN An Giang	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam – CN An Giang	20.000.000.000	10.160.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT – CN An Giang	-	19.590.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế – CN An Giang	500.000.000	14.440.000.000
Vay cá nhân Công ty	9.653.460.136	12.037.879.375
Cộng	459.256.759.136	755.488.714.052

Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang

Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ số đăng ký tại Ngân hàng: 01/548402 ngày 20/6/2011 với hạn mức dư nợ tối đa là 300.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng lần rút vốn được quy định trên Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn giải ngân đến ngày 30/4/2012. Tài sản thế chấp bảo đảm vốn vay là hàng tồn kho lúa, gạo với giá trị tối thiểu là 85.000.000.000 VNĐ, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi của Bên vay tại Ngân hàng và tại tổ chức tín dụng khác và đảm bảo bằng nguồn thanh toán Công ty thụ hưởng từ Hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 436.650.631.601 VNĐ.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN An Giang

Hợp đồng cho vay theo hạn mức đính kèm hợp đồng tín dụng số 10/2011/NHNT.AG ngày 14/01/2011 với hạn mức tín dụng: 335.000.000.000 VNĐ bao gồm cả dư nợ của HĐTD số 22/2010/VCB.AG ngày 22/01/2010.

HĐTD số 234/2010/VCB.AG ngày 14/7/2010. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh lương thực. Thời hạn vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Công ty vay theo hình thức tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN An Giang

Hợp đồng tín dụng số 36/2011/HĐTD-CNAG-KHDN ngày 15/4/2011 với hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 VNĐ bao gồm dư nợ các giấy nhận nợ của HĐTD số 58/2010/HĐTD-CNAG-KHDN ngày 24/9/2010. Mục đích sử dụng tiền vay làm chi phí mua gạo dự trữ xuất khẩu. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ ngày 15/4/2011 đến ngày 31/3/2012, áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, cơ sở tính toán lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 8%/năm, ngày điều chỉnh là ngày 01, kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/01 lần. Công ty vay theo hình thức tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC

Khoản vay ngắn hạn theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích tín dụng được ký kết ngày 04/4/2011 với hạn mức hỗn hợp: 140.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo lãi suất cho vay cơ bản của VNĐ hoặc USD của thời hạn tương ứng cộng với 1,75%/năm. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng theo từng tiện ích tín dụng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo tiền vay là hàng hóa trong kho và các khoản phải thu từ tất cả các bên có liên quan với tổng giá trị là 140.000.000.000 VNĐ và hợp đồng bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa trong kho cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm được chấp nhận với giá trị 70.000.000.000 VNĐ.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB) – CN An Giang

Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201101588 ngày 06/9/2011 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động kinh doanh lương thực. Thời hạn giải ngân tối đa là 12 tháng, thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân do EIB công bố tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo tiền vay là công ty cam kết thế chấp hàng hóa lưu kho và nguồn thu nợ từ xuất khẩu gạo.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB) – CN An Giang

Hợp đồng tín dụng số 0034/HD9TD2-VIB621/11 ngày 15/9/2011 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động kinh doanh xuất khẩu gạo. Thời hạn giải ngân tối đa là 12 tháng, thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ không quá 4 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân do VIB công bố tại thời điểm giải ngân. Công ty vay theo hình thức tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản.

Vay ngắn hạn cá nhân công ty

Số tiền công ty vay tín chấp của Cán bộ Công nhân viên công ty với lãi suất 15,96%/năm từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2011, lãi suất 17,04%/năm từ tháng 05/2011 đến tháng 9/2011 và lãi suất 13,5%/năm từ tháng 10/2011 đến Nay.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	30.611.664.368	29.451.298.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.080.203.527	6.506.270.544
Thuế thu nhập cá nhân	3.282.773.885	4.176.318.013
Cộng	46.974.641.780	40.133.887.403

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí dự phòng tiền tàu phải trả	4.535.685.717	4.535.685.717
Lãi tiền vay phải trả	1.793.199.745	1.659.814.099
Cộng	6.328.885.462	6.195.499.816

14. QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ khen thưởng	2.351.891.826	1.135.733.473
Quỹ phúc lợi	5.177.507.258	4.303.100.537
Cộng	7.529.399.084	5.438.834.010

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang	-	5.853.690.851
- Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN An Giang	1.907.216.078	2.526.033.394
Nợ dài hạn đến hạn trả	(618.817.316)	(923.980.658)
Cộng	1.288.398.762	7.455.743.587

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN An Giang:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1412/2009/HĐTĐ-DN ngày 21/12/2009 với số tiền vay là 4.330.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng là đầu tư nâng cấp kho và mua máy móc thiết bị. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 21/12/2009 đến ngày 21/12/2014 với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Ngân hàng TMCP Phương Tây – CN An Giang công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp kho 3, tọa lạc tại khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang tại thửa đất số 14 tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 488399 do UBND Tỉnh An Giang cấp ngày 06/4/2007.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trong vòng một năm	618.817.316	923.980.658
Trong năm thứ hai	618.817.316	2.858.817.316
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	669.581.446	4.596.926.271
Sau năm năm	-	-
	1.907.216.078	8.379.724.245
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(618.817.316)	(923.980.658)
Số phải trả sau 12 tháng	1.288.398.762	7.455.743.587

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	58.285.000.000	11.450.051.094	9.858.000.000	39.434.000.000	204.148.399.625	323.175.450.719						
Lãi trong năm	-	-	-	-	78.533.800.983	78.533.800.983						
Trích các quỹ			3.725.000.000	14.898.000.000	(21.523.000.000)	(2.900.000.000)						
Đánh giá chênh lệch tỷ giá		10.634.295.073			-	10.634.295.073						
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(29.142.500.000)	(29.142.500.000)						
Khác	-	(11.450.051.094)	-	-	(4.652.800.000)	(16.102.851.094)						
Tại ngày 31/12/2010	58.285.000.000	10.634.295.073	13.583.000.000	54.332.000.000	227.363.900.608	364.198.195.681						
Lãi trong năm	-	10.634.295.073	-	-	70.402.900.108	70.402.900.108						
Trích các quỹ	-	-	3.927.000.000	15.707.000.000	(22.776.000.000)	(3.142.000.000)						
Đánh giá chênh lệch tỷ giá		7.224.744.386			-	7.224.744.386						
Tăng vốn trong năm	123.715.000.000 (*)				(116.570.000.000)	7.145.000.000						
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(75.693.800.000)	(75.693.800.000)						
Giảm Khác	-	(16.995.053.881)	-	-	(1.204.555.942)	(18.199.609.823)						
Tại ngày 31/12/2011	182.000.000.000	863.985.578	17.510.000.000	70.039.000.000	81.522.444.774	351.935.430.352						

Công ty đã tiến hành trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông thường niên số 308/NQ-Q-ĐHĐCĐ tại ngày 23 tháng 4 năm 2011.

(*) Công ty tăng Vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 760/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2010, theo đó nguồn vốn điều lệ được tăng từ các nguồn sau

- Lợi nhuận chưa phân phối	116.570.000.000
- Thu tiền của cổ đông	7.145.000.000
	123.715.000.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng	2.634.900.172.328	1.976.375.508.866
Doanh thu bán gạo	1.927.270.801.720	1.540.302.413.441
Doanh thu tằm, cám	297.997.238.322	168.101.862.164
Doanh thu lúa	3.908.964.048	5.334.840.237
Doanh thu trấu	70.310.476	-
Doanh thu củi trấu	759.989.543	-
Doanh thu bán bao bì	1.156.465.007	38.631.908
Doanh thu bán xe Honda	265.705.384.879	219.191.549.695
Doanh thu bán phụ tùng xe Honda	38.993.541.101	28.902.519.255
Doanh thu bán phân bón	99.015.882.672	14.493.847.526
Doanh thu khoai môn	21.594.560	9.844.640
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.879.793.455	2.876.434.771
	2.637.779.965.783	1.979.251.943.637
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(132.152.251)	
Giảm giá hàng bán	(36.815.882)	(7.750.865.158)
Cộng	2.637.610.997.650	1.971.501.078.479

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán gạo	1.854.889.668.719	1.445.081.319.073
Giá vốn tằm, cám	265.478.178.568	121.252.551.187
Giá vốn lúa	2.001.332.928	4.841.803.798
Giá vốn trấu		
Giá vốn củi trấu	447.553.810	
Giá vốn bán bao bì	414.532.492	31.899.540
Giá vốn xe Honda	239.464.759.148	201.677.484.593
Giá vốn phụ tùng xe Honda	32.048.162.530	25.304.321.077
Giá vốn bán phân bón	99.663.326.846	11.161.653.395
Giá vốn khoai môn	13.610.565	7.545.451
Các khoản khác đưa vào giá vốn	4.244.860.756	13.955.749.931
Cộng	2.498.665.986.362	1.823.314.328.045

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.316.302.024	54.149.316.365
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.632.859.426	2.467.027.081
Lãi bán ngoại tệ	14.084.504.228	22.901.260.059
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	65.933.936.219	35.354.665.676
Chiết khấu Thanh toán được hưởng	(17.155)	(30.881)
Lãi bán hàng trả chậm	1.640.828.863	118.671.487
Cộng	135.608.413.605	114.990.909.787

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	74.782.625.065	49.565.113.795
Lỗ do bán ngoại tệ	7.272.813.455	133.110.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.255.559.212	1.346.265.332
Chi phí hoạt động đầu tư khác	-	580.624.500
Cộng	86.310.997.732	51.625.113.627

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên	12.100.613.351	14.204.990.705
Chi phí vật liệu, bao bì	14.291.855.340	11.184.657.442
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	634.398.482	286.153.941
Chi phí khấu hao TSCĐ	678.523.470	310.055.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.861.655.382	45.207.194.661
Chi phí bằng tiền khác	3.430.180.395	7.693.137.520
Cộng	80.997.226.420	78.886.189.296

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.016.711.477	19.056.740.217
Chi phí vật liệu quản lý	782.495.852	267.270.247
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.059.542.947	580.839.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.143.881.899	950.459.294
Thuế, phí và lệ phí	1.407.205.988	997.652.573
Chi phí dự phòng	68.763.500	(124.982.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.926.586.813	1.346.337.674
Chi phí bằng tiền khác	4.741.957.370	6.481.610.397
Cộng	28.147.145.846	29.555.927.006

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.155.092.647.155	2.196.718.730.447
Chi phí nhân công	52.471.797.519	55.039.768.461
Chi phí khấu hao	10.815.375.492	7.997.755.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.262.263.835	64.501.615.598
Chi phí khác	11.397.546.367	16.070.023.155
Cộng	3.301.039.630.368	2.340.327.892.936

24. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	9.181.816	6.363.637
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	56.587.886
Hỗ trợ lãi suất tạm trừ gạo vụ hè thu năm 2010	5.327.946.000	780.568.264
Nợ khó đòi nay thu hồi được	56.650.000	
Các khoản thu nhập khác	2.024.525.896	780.568.264
Thu nhập khác	7.418.303.712	843.519.787
Chi phí thanh lý TSCĐ	273.987.993	26.049.080
Chi khác	107.416.960	21.842.049
Chi phí khác	381.404.953	47.891.129
Lợi nhuận khác	7.036.898.759	795.628.658

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	86.134.953.654	103.906.058.950
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.632.859.426)	(2.647.027.081)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	5.253.255.567	50.000.000
Thu nhập chịu thuế	87.755.349.795	101.489.031.869
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Hoạt động kinh doanh chính	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.938.837.449	25.372.257.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% theo TT154/BTC năm 2011	(6.206.783.903)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.372.053.546	25.372.257.967

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHẦN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.402.900.108	78.533.800.983
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	70.402.900.108	78.533.800.983
<i>Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</i>	16.608.807	5.828.500
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	4.239	13.474

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN PHI TIỀN TỆ

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 116.570.000.000 VNĐ, là số tiền tăng vốn phát sinh trong năm từ việc chia cổ tức. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2011, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán sản phẩm (gạo, nếp ...)	19.144.112.321	25.869.802.379
Nhận chia cổ tức	2.070.139.998	1.800.405.908

Công ty Liên doanh ANGIMEX-KITOKU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán sản phẩm (gạo, tấm ...)	97.492.027.500	
Bán sản phẩm (Angimex ủy thác XK cho Kitoku)	2.872.371.260	36.924.994.265
Bán sản phẩm (Angimex cho Kitoku thuê kho)	527.500.215	389.604.985
Mua sản phẩm (Chi phí ủy thác XK)	91.737.030	1.105.807.900
Nhận chia cổ tức	1.348.360.440	601.190.400

Tại ngày 31/12/2011, số dư của các bên liên quan như sau :

Khoản phải thu khách hàng	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	-	359.627.998
Công ty Công ty ANGIMEX-KITOKU	-	-
Khoản khách hàng trả trước	31/12/2011 VNĐ	01/01/2011 VNĐ
Công ty TNHH TM Saigon - An Giang	6.162.002.200	-
Công ty Liên doanh Angimex – Kitoku	126.480.000	-

29. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2011	NĂM 2010
I. Hệ số thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,19	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,92
Hệ số thanh toán bằng tiền	Lần	0,61	0,75

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2011	NĂM 2010
II. Hệ số khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	5,27	7,52
Tỷ suất lợi nhuận thuần	%	2,67	3,98
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản	%	7,65	6,35
Tỷ suất sinh lời trên Vốn chủ sở hữu	%	20,00	21,56
III. Hệ số nợ			
Nợ dài hạn trên Vốn chủ sở hữu	%	0,5	2,16
Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu	%	161,34	239,48
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	%	0,19	0,64
Tổng nợ trên tổng tài sản	%	61,74	70,54

30. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.200.000.000	336.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.600.000.000	672.000.000
Sau năm năm	-	-
	4.800.000.000	1.008.000.000

Các cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng 109-HĐ/VP ngày 02/01/2004 thuê căn nhà số 2 – 4 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang. Tổng diện tích sử dụng để cho thuê là 1.459,38 m². Thời gian cho thuê là 10 năm từ 01/01/2004 đến 31/12/2013. Giá thuê là 300.000.000 VNĐ/năm (bao gồm VAT).
- Hợp đồng 07-HĐ/VPTU ngày 01/7/2011 thay thế hợp đồng 109-HĐ/VP ngày 02/01/2004 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011 đến 31/12/2017. Giá thuê là 60.000.000 VNĐ/tháng (bao gồm VAT).
- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/02/2011 thuê toàn bộ quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất tại tọa lạc đường Nguyễn Văn Thoại, Phường Châu Phú B, Thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tổng diện tích đất là 340,50 m² và diện tích căn nhà là 720,05 m². Thời gian thuê là 24 tháng từ ngày 01/4/2011 đến ngày 01/4/2013. Giá thuê là 40.000.000 VNĐ/tháng

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

An giang, ngày 03 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN TIẾN

HUYỀN THANH TÙNG

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại : 84-76-3 841 548

Fax : 84-76-3 843 239

Email: rice@angimex.com.vn

Website: www.angimex.com.vn

